

# NGHIÊN CỨU MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THÀNH TÍCH THI ĐẤU VỚI CÁC YẾU TỐ THỂ LỰC, KỸ THUẬT, HÌNH THÁI, TÂM LÝ, CHỨC NĂNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN ĐÁ CẦU TỈNH ĐỒNG THÁP

TS. Phạm Việt Thanh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Qua 03 bước xác định thành tích thi đấu của vận động viên đội tuyển đá cầu Đồng Tháp; Tính điểm từng tiêu chí của từng vận động viên, tính điểm trung bình ở mỗi yếu tố, xác định thành tích thi đấu của khách thể nghiên cứu; Tính hệ số tương quan giữa các yếu tố với thành tích thi đấu. Nghiên cứu đã xác định được mối tương quan giữa thành tích thi đấu với từng yếu tố thể lực, kỹ thuật, hình thái, tâm lý, chức năng của vận động viên đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp. Kết quả cho thấy, giữa các yếu tố đánh giá trình độ tập luyện của khách thể nghiên cứu và thành tích thi đấu có mối tương quan tương đối chặt với nhau, vì ở tất cả các yếu tố ở cả nam và nữ đều có hệ số tương quan lớn hơn 0.8.

**Từ khóa:** Tương quan, trình độ tập luyện, thành tích thi đấu, đá cầu, Đồng Tháp.

**Summary:** The study identifies the separate correlation between competition performance and physical, technical, morphological, psychological and functional factor each shown by Dong Thap province shuttlecock players through three steps, namely identifying the players' competition achievements, calculating single player's score for each criterion, calculating the average score for each factor; and identifying the research subject's performance and finally calculating the correlation coefficient between factors and competition performance. The results show that there is a relatively strong correlation between the factors relating to the research subjects's training level and their competition performance because all factors in both male and female players are related to each other; with the correlation rate being greater than 0.8.

**Keywords:** Correlation, training level, competition performance, shuttlecock, Dong Thap

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cũng giống như hầu hết những môn thể thao khác, ngoài các yếu tố về hệ thống đào tạo, các điều kiện đảm bảo, năng khiếu cá nhân thì thành tích thi đấu (TTTĐ) của môn đá cầu còn bị chi phối bởi các yếu tố quan trọng như: Thể lực, kỹ - chiến thuật, hình thái, tâm lý, chức năng, ... Các yếu tố này có quan hệ qua lại tương trợ cho nhau. Nếu một vận động viên (VĐV) được chuẩn bị tốt về mặt kỹ - chiến thuật, thể lực nhưng không chuẩn bị về mặt tâm lý thì TTTĐ cũng sẽ không cao và ngược lại. Vì vậy, khi nói đến thành tích môn đá cầu là nói đến kết quả huấn luyện về nhiều mặt: Thể lực, kỹ - chiến thuật, hình thái, tâm lý, chức năng.

Để đánh giá trình độ tập luyện (TĐTL) của VĐV đá cầu tỉnh Đồng Tháp một cách chính xác và toàn diện cần phải dựa trên nhiều yếu tố với nhiều tiêu chí đánh giá. Như vậy, khi nghiên cứu mối tương quan giữa TTTĐ với từng yếu tố đó không chỉ xem xét tương quan giữa một yếu tố này với một yếu tố khác, mà còn phải xem xét chúng trong một tổng thể các yếu tố liên hệ ảnh hưởng lẫn nhau. Từ đó, giúp cho các huấn luyện viên biết được mức độ tương

quan giữa từng yếu tố thể lực, kỹ thuật, hình thái, tâm lý, chức năng đến TTTĐ và giữa các yếu tố đó với nhau. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch huấn luyện phù hợp nhằm nâng cao TTTĐ cho VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp. Với tầm quan trọng đó tôi chọn nghiên cứu: **"Nghiên cứu mối tương quan giữa TTTĐ với các yếu tố thể lực, kỹ thuật, hình thái, tâm lý, chức năng của VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp"**.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: P tham khảo tài liệu, phỏng vấn, kiểm tra sự phạm và toán thống kê.

Khách thể nghiên cứu gồm: 19 VĐV của đội tuyển Đá cầu Đồng Tháp (10 nam và 9 nữ). Trình độ: Nam (8 kiện tướng, 2 cấp I), nữ (8 kiện tướng, 1 cấp I).

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Để xác định mối tương quan giữa TTTĐ với từng yếu tố hình thái, thể lực, kỹ thuật, tâm lý, chức năng của VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp, nghiên cứu tiến hành theo các bước sau:

**Bước 1:** Xác định TTTĐ của VĐV đội tuyển đá cầu Đồng Tháp.

Bảng 1. Thành tích của nam VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp

GIẢI	NỘI DUNG	VĐV									
		B01	B02	B03	B04	B05	B06	B07	B08	B09	B10
THẾ GIỚI	ĐƠN	HCV									
	ĐÔI		HCV	HCB							
	ĐỒNG ĐỘI			HCV							
CHÂU Á	ĐÔI		HCV	HCV							
	BA		HCV	HCV							
VĐQG 2017	ĐƠN	HCV			HCB						
	ĐÔI			HCV							
	BA		HCB			HCB	HCB	HCB	HCB	HCB	
	ĐĐ ĐƠN	HCB	HCB	HCB	HCB	HCB	HCB		HCB	HCB	
	ĐĐ ĐÔI		HCB			HCB	HCB		HCB		
VĐQG 2016	ĐÔI				HCB	HCB	HCB	HCB			
	ĐĐ ĐƠN	HCB	HCB	HCB	HCB	HCB	HCB		HCB	HCB	
	ĐĐ ĐÔI		HCV	HCV		HCV			HCV		
XẾP HẠNG		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Bảng 2. Thành tích của nữ VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp

GIẢI	NỘI DUNG	VĐV								
		B01	B02	B03	B04	B05	B06	B07	B08	B09
THẾ GIỚI	ĐƠN	HCV								
	ĐÔI		HCV	HCV						
	ĐỒNG ĐỘI		HCV							
CHÂU Á	ĐÔI		HCV							
	BA	HCV			HCB					
VĐQG 2017	ĐƠN		HCB	HCB		HCV				
	ĐÔI		HCV	HCB			HCV	HCV	HCV	
	BA	HCV	HCV	HCV		HCB	HCB	HCV	HCV	
	ĐĐ ĐƠN		HCB	HCB						
	ĐĐ ĐÔI				HCB					
VĐQG 2016	ĐÔI			HCB		HCV	HCB			
	ĐĐ ĐƠN			HCB		HCB	HCB	HCB	HCB	HCB
	ĐĐ ĐÔI	HCV	HCV	HCV	HCV	HCV	HCV	HCV	HCV	
XẾP HẠNG		1	2	3	4	5	6	7	8	9

Bước 2: Tính điểm từng tiêu chí của từng VĐV, tính điểm trung bình ở mỗi yếu tố, sau đó xác định thành tích thi đấu của khách thể nghiên cứu.

Bước 3: Tính hệ số tương quan giữa các yếu tố với TTTĐ

### 2.1. Xác định TTTĐ của VĐV đội tuyển đá cầu Đồng Tháp

Để xác định thành tích của VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp nghiên cứu tiến hành ba bước sau:

**2.2.1. Bước 1: Tổng hợp các phương pháp xác định thành tích của các VĐV từ các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Qua đó lựa chọn phương pháp xác định thành tích cho VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp**

Qua tổng hợp các phương pháp xác định TTTĐ của các VĐV từ các công trình nghiên cứu của các tác giả, căn cứ vào đặc điểm môn đá cầu, căn cứ vào mục đích, mục tiêu nghiên cứu lựa chọn phương

pháp xác định thành tích của khách thể nghiên cứu thông qua thành tích đạt được dựa trên kết quả thi đấu ở các giải cá nhân trong nước và quốc tế trong năm 2016 và 2017 theo thứ tự ưu tiên như sau:

- *Ưu tiên 1: Theo thứ tự Thành tích giải (Vô địch thế giới, Vô địch châu Á, VĐQG).*
- *Ưu tiên 2: Theo thứ tự các nội dung cá nhân (đơn, đôi, ba)*
- *Ưu tiên 3: Theo thứ tự huy chương (vàng, bạc, đồng)*
- *Ưu tiên 4: Theo số lượng huy chương (vàng, bạc, đồng)*
- *Ưu tiên 5: Theo thứ tự thành tích các giải đồng đội (đơn, đôi).*
- *Ưu tiên 6: Thi đấu trực tiếp hoặc vòng tròn để xếp hạng.*

Để xếp hạng các VĐV theo thứ tự ưu tiên trên nghiên cứu đề ra các nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc 1: VĐV thuộc ưu tiên cao hơn xếp hạng cao hơn;*
- *Nguyên tắc 2: VĐV có số lượng huy chương cùng loại cao hơn xếp hạng cao hơn;*
- *Nguyên tắc 3: Trong thi đấu trực tiếp hoặc vòng tròn giữa các VĐV xếp hạng trong thi đấu cao hơn sẽ có thứ hạng cao hơn.*
- *Nguyên tắc 4: Thứ tự ưu tiên của các nguyên tắc là 1, 2, 3, 4.*

**2.1.2. Bước 2: Tham khảo trực tiếp ý kiến của 05 chuyên gia, nhà chuyên môn (phụ lục 10) kết quả 100% các chuyên gia, nhà chuyên môn nhất trí phương pháp xác định thành tích theo các mức độ ưu tiên và các nguyên tắc nêu trên.**

**Bảng 3. Bảng điểm thành tích các tiêu chí đánh giá TĐTL của nam VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp**

Yếu tố	TIÊU CHÍ	ĐIỂM									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thể lực	Di chuyển ngang sân 10 lần (s)	49.30	48.13	46.97	45.80	44.64	43.47	42.31	41.14	39.98	38.81
	Di chuyển tiến lùi 15 lần (s)	65.54	62.91	60.28	57.65	55.02	52.39	49.77	47.14	44.51	41.88
	Di chuyển 4 góc sân 5 lần (s)	59.06	56.00	52.95	49.89	46.84	43.78	40.73	37.67	34.62	31.56
	Di chuyển chéo sân 5 lần (s)	55.90	52.88	49.85	46.83	43.80	40.77	37.75	34.72	31.69	28.67
	Bật cao tại chỗ (cm)	42	44	46	49	51	53	56	58	60	63
	Xoạc ngang (cm)	8.3	8.2	8.0	7.8	7.7	7.5	7.3	7.1	7.0	6.8
	Xoạc dọc (cm)	3.7	3.5	3.3	3.1	2.9	2.7	2.5	2.3	2.1	1.9
Kỹ thuật	Búng cầu liên tục trong 30” (lần)	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Giật cầu liên tục trong 30”(lần)	14	15	17	18	19	20	21	22	23	24
	Chuyền cầu liên tục trong 60”(lần)	17	18	20	21	23	24	26	27	29	30
	PCCC chính diện 10 quả (điểm)	21	22	24	25	26	28	29	30	32	33
	PCCC nghiêng mình 10 quả (điểm)	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Cúp cầu một chạm 10 quả (điểm)	17	18	20	22	24	26	27	29	31	33
	Bỏ nhỏ cầu liên tục 10 quả (điểm)	22	23	24	25	27	28	29	30	31	32
	Đạp cầu liên tục 10 quả (điểm)	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	158	161	163	166	168	171	173	175	178	180
	Dài chân H (cm)	85.2	86.7	88.3	89.9	91.5	93.1	94.7	96.3	97.8	99.4
	Dài gân Achille (cm)	18.7	19.3	19.9	20.5	21.1	21.7	22.3	22.9	23.5	24.1
	Dài chân A/cao đứng x 100 (%)	50.6	50.9	51.2	51.5	51.7	52.0	52.3	52.6	52.9	53.2
	Dài đùi/cẳng chân A x 100 (%)	77.1	78.4	79.7	81.0	82.3	83.6	84.8	86.1	87.4	88.7
	Vòng cổ chân/dài gân Achille x 100 (%)	112.3	109.1	106.0	102.9	99.7	96.6	93.5	90.4	87.2	84.1
Tâm lý	Phản xạ thị giác - chân (ms)	222.5	216.4	210.4	204.3	198.2	192.2	186.1	180.0	174.0	167.9
	Phản xạ phức (ms)	379.5	360.5	341.6	322.6	303.7	284.7	265.8	246.8	227.9	208.9
	Năng lực xử lý thông tin (bit/s)	1.39	1.44	1.49	1.54	1.60	1.65	1.70	1.75	1.80	1.85
	Chú ý tổng hợp (p)	4.30	4.06	3.82	3.58	3.34	3.10	2.86	2.62	2.39	2.15
	Chức năng	Công năng tim (HW)	13.3	12.4	11.5	10.5	9.6	8.7	7.7	6.8	5.9
Dung tích sống (ml)		2879	3044	3209	3375	3540	3705	3871	4036	4201	4367
CS yếm khí tối đa tương đối (RPP) (w/kg)		7.29	7.85	8.41	8.97	9.53	10.09	10.64	11.20	11.76	12.32
CS yếm khí tổng hợp (ACP)		5.45	5.80	6.16	6.51	6.87	7.23	7.58	7.94	8.29	8.65
VO <sub>2</sub> max/kg (ml/kg/ph)		40.10	43.34	46.58	49.82	53.06	56.30	59.54	62.78	66.02	69.25

**Bảng 4. Bảng điểm thành tích các tiêu chí đánh giá TĐTL của nữ VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp**

Yếu tố	TIÊU CHÍ	ĐIỂM								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Thể lực	Di chuyển ngang sân 10 lần (s)	51.89	51.02	50.15	49.29	48.42	47.55	46.69	45.82	44.95
	Di chuyển tiến lùi 15 lần (s)	74.86	72.83	70.80	68.76	66.73	64.70	62.67	60.64	58.61
	Di chuyển 4 góc sân 5 lần (s)	54.50	53.13	51.81	50.46	49.11	47.77	46.42	45.07	43.72
	Di chuyển chéo sân 5 lần (s)	57.94	56.36	54.78	53.20	51.61	50.03	48.45	46.86	45.28
	Bật cao tại chỗ (cm)	28	30	32	34	36	38	40	42	44
	Xoạc ngang (cm)	8.2	8.0	7.7	7.5	7.2	7.0	6.7	6.5	6.2
	Xoạc dọc (cm)	3.3	3.2	2.9	2.8	2.6	2.4	2.2	2.0	1.8
Kỹ thuật	Búng cầu liên tục trong 30'' (lần)	13	14	16	17	19	21	22	24	25
	Giật cầu liên tục trong 30''(lần)	6	9	12	16	19	22	25	28	31
	Chuyền cầu liên tục trong 60''(lần)	16	17	19	20	22	23	25	26	28
	PCCC chính diện 10 quả (điểm)	19	20	21	23	24	25	27	28	29
	PCCC nghiêng mình 10 quả (điểm)	19	20	21	22	23	23.6	24.5	25	26
	Cúp cầu một chạm 10 quả (điểm)	15	17	17	20	22	23	25	27	28
	Bỏ nhỏ cầu liên tục 10 quả (điểm)	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Đạp cầu liên tục 10 quả (điểm)	19	21	22	23	24	26	27	28	29
Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	146	150	153	156	159	162	165	168	171
	Dài chân H (cm)	78.9	81.0	83.0	85.1	87.2	89.3	91.4	93.5	95.6
	Dài gân Achille (cm)	17.0	17.7	18.3	19.0	19.7	20.3	21.0	21.7	22.3
	Dài chân A/cao đứng x 100 (%)	49.59	50.18	50.78	51.38	51.98	52.58	53.17	53.77	54.37
	Dài đùi/cẳng chân A x 100 (%)	78.34	79.93	81.51	83.10	84.69	86.27	87.86	89.45	91.04
	Vòng cổ chân/dài gân Achille x 100 (%)	108.9	106.8	104.8	102.7	100.7	98.65	96.59	94.54	92.49
Tâm lý	Phản xạ thị giác - chân (ms)	243.7	235.3	226.9	218.6	210.2	201.8	193.4	185.1	176.7
	Phản xạ phức (ms)	374.0	358.6	343.3	328.0	312.7	297.4	282.0	266.7	251.4
	Năng lực xử lý thông tin (bit/s)	1.37	1.40	1.44	1.47	1.50	1.54	1.57	1.60	1.63
	Chú ý tổng hợp (p)	4.64	4.35	4.06	3.77	3.48	3.18	2.89	2.60	2.31
Chức năng	Công năng tim (HW)	13.2	12.5	11.7	11.0	10.2	9.5	8.7	8.0	7.2
	Dung tích sống (ml)	2193	2289	2386	24.82	2578	2674	2770	2866	2962
	CS yếm khí tối đa tương đối (RPP) (w/kg)	4.87	5.20	5.54	5.87	6.20	6.54	6.87	7.21	7.54
	CS yếm khí tổng hợp (ACP)	3.72	3.92	4.12	4.33	4.53	4.74	4.94	5.15	5.35
	VO <sub>2</sub> max/kg (ml/kg/ph)	30.36	32.23	34.10	35.96	37.83	39.70	41.57	43.44	45.31

### 2.1.3. Bước 3: Xác định thành tích cho VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ vào kết quả thi đấu các giải VĐTĐ, Châu Á và giải VĐQG trong năm 2016 và 2017, nghiên cứu xác định thành tích của khách thể nghiên cứu theo phương pháp trên và thu được ở bảng 1 và 2.

### 2.2. Tính điểm từng tiêu chí của từng VĐV, tính điểm trung bình ở mỗi yếu tố, sau đó xác định TTTĐ của khách thể nghiên cứu.

Để tính điểm cho từng tiêu chí trong từng yếu tố của từng VĐV cũng như tính điểm trung bình của mỗi yếu tố cần có một thang điểm; nghiên cứu tiến hành tính điểm theo thang độ C theo từng tiêu chí nghiên cứu thu được kết quả ở bảng 3 và 4.

### 2.3. Hệ số tương quan giữa các yếu tố với TTTĐ

Căn cứ vào điểm trung bình của từng yếu tố, nghiên cứu tiến hành tính hệ số tương quan thứ bậc giữa các yếu tố đánh giá TĐTL của khách thể nghiên cứu với xếp hạng TTTĐ như đã xác định ở mục 2.1 thu được kết quả tại bảng 4.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, giữa các yếu tố đánh giá TĐTL của khách thể nghiên cứu và TTTĐ có mối tương quan tương đối chặt với nhau, vì ở tất cả các yếu tố đều có  $r_{\text{tính}} > 0.8$ . Cụ thể như sau:

Đối với nam yếu tố thể lực có mối tương quan cao nhất với TTTĐ  $r = 0.948$  và hình thái có mối tương quan thấp nhất với TTTĐ  $r = 0.806$ ; tiếp đến là các yếu tố kỹ thuật ( $r = 0.945$ ), chức năng ( $r = 0.907$ ) và tâm lý ( $r = 0.883$ ).

Đối với nữ yếu tố kỹ thuật có mối tương quan cao nhất với TTTĐ  $r = 0.961$  và hình thái có mối tương

**Bảng 5. Hệ số tương quan giữa các yếu tố đánh giá TĐTL của VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp với TTTĐ**

STT	Yếu tố	Nam		Nữ	
		r	P	r	P
1	Thể lực	0.948	<0.05	0.935	<0.05
2	Kỹ thuật	0.945	<0.05	0.961	<0.05
3	Hình thái	0.806	<0.05	0.850	<0.05
4	Tâm lý	0.883	<0.05	0.945	<0.05
5	Chức năng	0.907	<0.05	0.926	<0.05

quan thấp nhất với TTTĐ  $r = 0.850$ ; tiếp đến là các yếu tố tâm lý ( $r = 0.935$ ), thể lực ( $r = 0.945$ ) và chức năng ( $r = 0.926$ ).

Đánh giá TĐTL VĐV đá cầu gồm tổ hợp nhiều yếu tố, trong mỗi yếu tố có nhiều tiêu chí với số lượng khác nhau. Vì vậy, khi nghiên cứu các yếu tố không chỉ xét mối tương quan giữa yếu tố này với yếu tố kia, mà phải xem xét chúng trong một tổng thể các tiêu chí trong từng yếu tố liên hệ ảnh hưởng lẫn nhau. Để nghiên cứu mối quan hệ giữa các tiêu chí trong từng yếu tố, nghiên cứu tiến hành tính hệ số tương quan cặp (Pearson) của tất cả các tiêu chí với nhau. Kết quả tương quan giữa các tiêu chí là cơ sở để tính tương quan bội và xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các yếu tố trong việc đánh giá TĐTL của VĐV đá cầu.

### 3. KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên, cho phép rút ra một số kết luận sau:

- Nghiên cứu đã xác định được thành tích của khách thể nghiên cứu theo quy trình 3 bước: Tổng hợp các phương pháp xác định thành tích; Phỏng vấn chuyên gia; Xác định thành tích của VĐV;
- Xây dựng được bảng điểm thành tích các tiêu chí đánh giá TĐTL, cũng như bảng điểm trung bình các yếu tố đánh giá TĐTL của VĐV;
- Xác định được hệ số tương quan thứ bậc giữa các yếu tố đánh giá TĐTL của khách thể nghiên cứu. Từ đó cho thấy, giữa các yếu tố đánh giá TĐTL của khách thể nghiên cứu và TTTĐ có mối tương quan tương đối chặt với nhau, vì ở tất cả các yếu tố đều có  $r_{tính} > 0.8$ .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đàm Quốc Chính (2001), “Nghiên cứu khả năng phù hợp tập luyện (dưới góc độ sự phạm) nhằm góp phần nâng cao hiệu quả tuyển chọn và dự báo thành tích của VĐV trẻ chạy 100m ở Việt Nam”, luận án tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.

2. Lê Anh Đức (2017), “Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá TĐTL của nam VĐV đua xe đạp lứa tuổi 13 – 15 một số tỉnh Miền Bắc (giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu)”, luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.

3. Trần Hiếu (2007), “Nghiên cứu hệ thống các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam VĐV bóng bàn 14 – 15 tuổi giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu”, luận án tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.

5. Đàm Trung Kiên (2009), “Nghiên cứu nội dung, tiêu chuẩn đánh giá TĐTL đối với vận động viên chạy 100m cấp cao”, luận án tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.

6. Đàm Tuấn Khôi (2012), “Xây dựng hệ thống đánh giá TĐTL của VĐV cầu lông cấp cao”, luận án tiến sĩ, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** được trích từ Luận án tiến sĩ Giáo dục học “Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cấu thành TĐTL đối với TTTĐ của VĐV đội tuyển đá cầu tỉnh Đồng Tháp”. TS. Phạm Việt Thanh. Năm thực hiện: 2019.

**Ngày nhận bài:** 20/2/2024; **Ngày duyệt đăng** 15/5/2024.



Ảnh minh họa (nguồn Internet)